

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ TÀI CHÍNH

Số: **7537** /STC-VP
V/v công khai tình hình thực hiện
thu chi ngân sách nhà nước 9 tháng
đầu năm 2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **08** tháng 10 năm 2024

Kính gửi: Ủy ban nhân dân Thành phố

Căn cứ Điều 15 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 quy định về công khai ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách.

Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân Thành phố số liệu và nội dung thuyết minh tình hình thực hiện thu chi ngân sách nhà nước 9 tháng đầu năm 2024 để thực hiện công khai ngân sách theo quy định Luật Ngân sách nhà nước năm 2015.

Nội dung công khai tình hình thực hiện ngân sách 9 tháng đầu năm 2024 bao gồm:

- Báo cáo thuyết minh tình hình ước thực hiện ngân sách Thành phố Hồ Chí Minh 9 tháng đầu năm 2024;
- Số liệu ước thực hiện ngân sách Thành phố 9 tháng đầu năm 2024.

Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: TH, VT/QH.(01)



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hoàng Hải

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Số: /UBND-KT

Về công khai tình hình thực hiện
thu chi ngân sách nhà nước
9 tháng đầu năm 2024

DỰ THẢO

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2024

Kính gửi:

- Sở Thông tin và Truyền thông;
- Sở Tài chính.

Thực hiện Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với cấp ngân sách; Công văn số 9505/BTC-NSNN ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Bộ Tài chính về công khai ngân sách theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước 2015;

Căn cứ báo cáo tình hình thực hiện thu – chi ngân sách thành phố 9 tháng đầu năm 2024 theo báo cáo của Sở Tài chính tại Công văn số ngày tháng năm 2024; Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo như sau:

1. Thống nhất công khai tình hình thực hiện thu – chi ngân sách Thành phố 9 tháng đầu năm 2024 (đính kèm).
2. Giao Sở Tài chính, Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện thu – chi ngân sách 9 tháng đầu năm 2024 trên Cổng thông tin điện tử của Sở Tài chính và Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân Thành phố./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TTUB: CT, PCT/TT;
- VPUB: CVP, PVP/KT;
- Phòng KT;
- Lưu: VT.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

**BÁO CÁO THUYẾT MINH
TÌNH HÌNH ƯỚC THỰC HIỆN NGÂN SÁCH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2024**

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 185/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố về dự toán thu ngân sách nhà nước; thu, chi ngân sách Thành phố Hồ Chí Minh năm 2024;

Tình hình ước thực hiện thu – chi ngân sách Thành phố 9 tháng đầu năm 2024 trên địa bàn Thành phố như sau:

1. Kết quả thực hiện thu ngân sách nhà nước trên địa bàn:

Trong bối cảnh 9 tháng đầu năm tình hình thế giới diễn biến phức tạp, áp lực lạm phát lớn do giá xăng dầu, nguyên vật liệu, hàng hóa... biến động mạnh; tuy nhiên, tăng trưởng kinh tế tiếp tục duy trì ở mức tích cực, các cân đối lớn vĩ mô ổn định.

Kết thúc Quý I/2024, số thu ngân sách trên địa bàn Thành phố là 140.271,038 tỷ đồng, đạt 29,05% dự toán, tăng 8,95% so cùng kỳ. Kết thúc Quý II, số thu ngân sách trên địa bàn Thành phố là 127.127,85 tỷ đồng, đạt 26,33% dự toán, tăng 28,18% so cùng kỳ. Tiếp nối Quý II, số thu ngân sách Quý III/2024 là 103.907,95 tỷ đồng, đạt 21,52% dự toán, tăng 7,17% so cùng kỳ. Kết quả thu ngân sách nhà nước ước thực hiện 9 tháng đầu năm 2024 như sau:

1.1. Tổng thu ngân sách nhà nước ước thực hiện là 371.306,84 tỷ đồng, đạt 76,9% dự toán, tăng 14,29% so cùng kỳ

- Thu nội địa: ước thực hiện là 261.784,59 tỷ đồng, đạt 78,39% dự toán, tăng 22,16% so cùng kỳ.

- Thu từ dầu thô: ước thực hiện là 15.727,93 tỷ đồng, đạt 87,87% dự toán, bằng 86,38% so cùng kỳ.

- Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu: ước thực hiện là 93.512,4 tỷ đồng, đạt 71,49% dự toán, tăng 1,22% so cùng kỳ.

1.2. Thu ngân sách địa phương: ước thực hiện là 150.871,35 tỷ đồng, đạt 107,02% dự toán, tăng 47,07% so cùng kỳ.

2. Chi ngân sách địa phương:

Ước chi ngân sách địa phương 9 tháng đầu năm 2024 (không tính tạm ứng) là 56.253,58 tỷ đồng, đạt 37,51% dự toán, bằng 99,55% so cùng kỳ. Trong đó:

- Chi đầu tư phát triển: 16.925,27 tỷ đồng, đạt 22,39% dự toán, tăng 45,89% so cùng kỳ.

- Chi thường xuyên: 37.726,26 tỷ đồng, đạt 59,51% dự toán, tăng 14,13% so cùng kỳ.

Trên cơ sở Nghị quyết Hội đồng nhân dân Thành phố, Quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố về giao dự toán thu – chi ngân sách năm 2024, các quy định hiện hành, ngành Tài chính Thành phố đã thực hiện phân bổ dự toán trên hệ thống Thông tin Quản lý Ngân sách và Kho bạc (TABMIS) và thực hiện kiểm soát chi theo đúng định mức và dự toán được duyệt.

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2024

Đơn vị: Triệu đồng

NỘI DUNG	CÙNG KỲ	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
B		1	2	3=2/1	4
TỔNG CHI NSDP (không kể GTGC, các khoản chuyển giao giữa các cấp NS)	56.510.115	149.976.789	56.253.582	37,51	99,55
CHI CÂN ĐỐI NSDP	45.064.042	145.972.078	55.046.585	37,71	122,15
Chi đầu tư phát triển	11.601.388	75.577.216	16.925.273	22,39	145,89
Chi đầu tư cho các dự án	10.054.674		15.827.487		157,41
Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật	1.438.750		1.013.000		70,41
Chi đầu tư phát triển khác	107.964		84.786		78,53
Chi thường xuyên	33.055.350	63.398.329	37.726.258	59,51	114,13
Trong đó:					
Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	12.390.478	23.806.501	15.666.905	65,81	126,44
Chi khoa học và công nghệ	434.125	527.955	278.584	52,77	64,17
Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	2.003.788	5.121.855	2.135.198	41,69	106,56
Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	413.288	880.079	478.282	54,35	115,73
Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình	43.331	62.737	43.336	69,08	100,01
Chi sự nghiệp thể dục thể thao	412.989	736.429	373.863	50,77	90,53
Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	2.315.194	3.930.779	2.137.653	54,38	92,33
Chi sự nghiệp kinh tế	4.643.590	11.116.818	5.585.329	50,24	120,28
Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	5.539.188	9.549.544	6.357.463	66,57	114,77
Chi bảo đảm xã hội	3.520.728	3.788.865	2.853.394	75,31	81,05
Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	407.304	1.218.607	395.054	32,42	96,99
Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính		11.400		-	
Dự phòng ngân sách		4.500.000		-	
Chi tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương		1.266.526		-	
CHI CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	11.446.073	4.004.711	1.206.997	30,14	10,55
Chương trình mục tiêu quốc gia					
Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư	11.435.692		1.197.235		10,47
Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên	10.381		9.762		94,04

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2024

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	CÙNG KỲ	DỰ TOÁN NĂM 2024	ƯỚC THỰC HIỆN	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
					DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B		1	2	3=2/1	4
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN (không kể GTGC, các khoản chuyển giao giữa các cấp NS địa phương)	324.887.130	482.851.095	371.306.837	76,90	114,29
I	Thu nội địa	214.292.375	333.960.000	261.784.592	78,39	122,16
1	Thu từ khu vực DNNN	21.360.809	29.900.000	23.657.454	79,12	110,75
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	51.928.917	79.500.000	58.078.500	73,05	111,84
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	63.988.961	91.667.000	77.265.765	84,29	120,75
4	Thuế thu nhập cá nhân	43.434.703	58.000.000	49.296.340	84,99	113,50
5	Thuế bảo vệ môi trường	4.160.507	5.600.000	5.266.401	94,04	126,58
6	Lệ phí trước bạ	4.277.366	6.000.000	4.799.339	79,99	112,20
7	Các loại phí, lệ phí	5.723.591	8.100.000	6.130.027	75,68	107,10
8	Các khoản thu về nhà, đất	6.647.569	39.460.000	10.631.936	26,94	159,94
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	370		1		
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	277.707	400.000	353.746	88,44	127,38
-	Thu tiền sử dụng đất	3.857.852	33.960.000	6.003.373	17,68	155,61
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	2.460.704	5.000.000	4.265.592	85,31	173,35
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước	50.936	100.000	9.224	9,22	18,11
9	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	15.503	21.000	11.782	56,10	76,00
10	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước	4.806.755	6.600.000	17.431.678	264,12	362,65
11	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	3.530.907	4.400.000	3.418.713	77,70	96,82
12	Thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi công sản khác, thu từ bán tài sản nhà nước và thu khác	4.416.787	4.712.000	5.796.657	123,02	131,24
II	Thu từ dầu thô	18.208.018	17.900.000	15.727.927	87,87	86,38
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	92.381.123	130.800.000	93.512.400	71,49	101,22
1	Thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu	61.121.776	85.340.000	66.908.376	78,40	109,47
2	Thuế XNK, thuế TTĐB thu từ hàng hóa nhập khẩu, thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu	30.888.664	45.260.000	26.239.352	57,97	84,95
3	Thu khác	370.683	200.000	364.672	182,34	98,38
IV	Thu viện trợ	166	191.095	8.270	4,33	4.981,93
V	Các khoản huy động, đóng góp	5.448		273.648		5.022,91
B	THU NSDP (không kể GTGC, các khoản chuyển giao giữa các cấp NS địa phương)	102.581.561	140.978.389	150.871.345	107,02	147,07
1	Thu NSDP theo phân cấp:	60.072.956	113.339.740	84.208.266	74,30	140,18
-	Từ các khoản thu phân chia	36.592.886	52.913.700	42.856.489	80,99	117,12
-	Các khoản thu NSDP được hưởng 100%	23.480.070	60.426.040	41.351.777	68,43	176,11
2	Thu chuyển nguồn từ năm trước sang	27.837.179	23.442.843	63.623.800	271,40	228,56
3	Thu viện trợ	166	191.095	1.993	1,04	1.200,60
4	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	14.665.812	4.004.711	3.033.638	75,75	20,69
5	Thu bổ sung từ nguồn cải cách tiền lương đưa vào cân đối chi thường xuyên					
6	Các khoản huy động, đóng góp	5.448		3.648		66,96

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2024

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	CÙNG KỶ	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
					DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỶ NĂM TRƯỚC
A	B		1	2	3=2/1	4
A	TỔNG THU NSDP (không kể GTGC, các khoản chuyển giao giữa các cấp NS)	102.581.561	140.978.389	150.871.345	107,02	147,07
1	Các khoản thu NSDP hưởng 100%	23.480.070	60.426.040	41.351.777	68,43	176,11
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %	36.592.886	52.913.700	42.856.489	80,99	117,12
3	Thu từ quỹ dự trữ tài chính					
4	Thu kết dư năm trước					
5	Thu chuyển nguồn từ năm trước sang	27.837.179	23.442.843	63.623.800	271,40	228,56
6	Thu viện trợ	166	191.095	1.993	1,04	1.200,60
7	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	14.665.812	4.004.711	3.033.638	75,75	20,69
8	Thu bổ sung từ nguồn cải cách tiền lương đưa vào cân đối chi thường xuyên					
9	Các khoản huy động, đóng góp	5.448	0	3.648		66,96
B	TỔNG CHI NSDP (không kể GTGC, các khoản chuyển giao giữa các cấp NS)	56.510.115	149.976.789	56.253.582	37,51	99,55
I	Chi cân đối NSDP	45.064.042	145.972.078	55.046.585	37,71	122,15
1	Chi đầu tư phát triển	11.601.388	75.577.216	16.925.273	22,39	145,89
2	Chi thường xuyên	33.055.350	63.398.329	37.726.258	59,51	114,13
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	407.304	1.218.607	395.054	32,42	96,99
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	0	11.400	0		
5	Dự phòng ngân sách	0	4.500.000	0		
6	Chi tạo nguồn điều chỉnh tiền lương	0	1.266.526	0		
III	Chi Chương trình mục tiêu	11.446.073	4.004.711	1.206.997	30,14	10,55
C	BỘI CHI NSDP/ BỘI THU NSDP					
D	CHI TRẢ NỢ GỐC	311.717	750.900	361.309	48,12	115,91